

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N4
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2020/HS-PT
Ngày: 05-6-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N4**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quân Vương;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Ngọc Thạch;
Bà Nguyễn Thị Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 5 và ngày 05 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa phúc thẩm công khai xét xử vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 06/2020/TLPT-HS ngày 02 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Văn K và đồng phạm. Do có kháng cáo của các bị cáo: Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị H, Võ Thị Đ, Võ Thị C, Nguyễn Thị B, Võ Thị Út T1, Võ Thị H1 đối với Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2019/HS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Văn K, sinh năm 1973 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: ấp Đ, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: cạo mủ cao su; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: N4; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt N4; con ông Nguyễn Văn V (đã chết) và bà Huỳnh Thị S (đã chết); vợ tên Cao Ngọc H; có 02 người con sinh năm 2005 và 2018; tiền án, tiền sự: không, nhân thân: tại Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2015/HS-ST ngày 23/01/2015 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương xử phạt 09 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo và xử phạt bổ sung số tiền 5.000.000 đồng theo các khoản 1, 3 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (chấp hành xong ngày 26/3/2015). Bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/4/2019 đến ngày 22/7/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; bị bắt tạm giam lại từ ngày 05/11/2019 cho đến nay.

2. Nguyễn Thị T (tên gọi khác: H), sinh năm 1985 tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Tổ 1, Khu phố 9, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp:

buôn bán; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt N4; con ông Nguyễn T3 và bà Lê Thị S (đã chết); chồng tên Lê Văn N; có 02 người con sinh năm 2011 và 2014; tiền án, tiền sự: không, nhân thân: ngày 30/3/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt vi phạm hành chính số tiền 25.000.000 đồng về hành vi sử dụng hoạt động tình dục khác làm phương thức kinh doanh (chấp hành xong ngày 18/5/2017). Bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/4/2019 đến ngày 08/4/2019 được trả tự do, bị bắt tạm giam lại từ ngày 03/7/2019 đến ngày 22/7/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị bắt tạm giam lại từ ngày 04/11/2019 cho đến nay.

3. Nguyễn Thị H, sinh năm 1976 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt N4; con ông Nguyễn Đức U (đã chết) và bà Nguyễn Thị N (đã chết); có 02 người con sinh năm 1993 và 1995; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/4/2019 đến ngày 22/7/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, bị bắt tạm giam lại từ ngày 05/11/2019 cho đến nay.

4. Võ Thị Đ, sinh năm 1961 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Tổ 4, Ấp 3, xã H, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt N4; con ông Võ Văn M (đã chết) và bà Nguyễn Thị T4 (đã chết), chồng tên Phan Văn T5; có 02 người con sinh năm 1984 và 1986; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/4/2019 đến ngày 22/7/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; bị bắt tạm giam lại từ ngày 06/11/2019 cho đến nay.

5. Võ Thị C, sinh năm 1964 tại tỉnh Q; hộ khẩu thường trú: Thôn Đ1, xã H, huyện N, tỉnh Q; tạm trú: Số 1/18, đường Đ, Tổ 18, Khu phố 4, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: bán vé số; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt N4; con ông Võ Duy H (đã chết) và bà Phạm Thị L; chồng tên Huỳnh Đỗ K; có 02 người con sinh năm 1988 và 1991; tiền án, tiền sự: không, nhân thân: ngày 15/3/2018, Công an xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc (chấp hành xong ngày 16/3/2018). Bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/4/2019 đến ngày 22/7/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; bị bắt tạm giam lại từ ngày 04/11/2019 cho đến nay.

6. Nguyễn Thị B, sinh năm 1966 tại tỉnh Q; hộ khẩu thường trú: thôn Đg, xã H, huyện N, tỉnh Q; tạm trú: Số 1/18, đường Đ, Tổ 18, Khu phố 4, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: bán vé số; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt N4; con ông Nguyễn B (đã chết) và bà Trần Thị N; chồng tên Võ Duy C; có 03 người con (người con lớn nhất sinh năm 1990 và người con nhỏ nhất sinh năm 1998); tiền án, tiền sự: không, nhân thân: ngày 15/3/2018, Công an xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc (chấp hành xong ngày 16/3/2018). Bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/4/2019 đến ngày

22/7/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; bị bắt tạm giam lại từ ngày 04/11/2019 cho đến nay.

7. Võ Thị Út T1 (tên gọi khác: U) sinh năm 1972 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Khu phố C3, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt N4; con ông Võ Văn N (đã chết) và bà Nguyễn Thị C; chồng tên Nguyễn Văn B; có 02 người con sinh năm 1997 và 2003; tiền án, tiền sự: không, nhân thân: tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2014/HS-ST ngày 08/5/2014 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương xử phạt số tiền 10.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/4/2019 đến ngày 08/4/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị bắt tạm giam lại từ ngày 04/11/2019 cho đến nay.

8. Võ Thị H1, sinh năm 1964 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Tổ 4, Ấp 2, xã Hội Nghĩa, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt N4; con ông Võ Văn Bún (đã chết) và bà Nguyễn Thị Chúc (đã chết); có 01 người con sinh năm 1992; tiền án: không; tiền sự: ngày 16/4/2019, Công an xã Hội Nghĩa, thị xã T, tỉnh Bình Dương xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/4/2019 đến ngày 22/7/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; bị bắt tạm giam lại từ ngày 06/11/2019 cho đến nay.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Võ Thị H1: Ông Nguyễn Giao D, sinh năm 1992 (cả con ruột của bị cáo); nơi cư trú: Tổ 4, Ấp 2, xã H, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Võ Thị H1: Bà Phạm Đỗ Thùy L - Luật sư Văn phòng Luật sư T Hải thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương.

Trong vụ án còn có 05 bị cáo và 07 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo và không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thị T, Võ Thị H1, Võ Văn N4, Võ Thị Đ, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị N1, Võ Thị C, Nguyễn Thị H, Lê Kiều T2 và Võ Thị Út T1 quen biết nhau ngoài xã hội.

Ngày 07/4/2019, Nguyễn Văn K đến nhà Nguyễn Văn N tại ấp Mỹ Đức, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương để chơi thì thấy tại nhà N có nhiều người nên Kiều rủ Nguyễn Văn Q, Võ Thị Út T1 và 02 người phụ nữ bán vé số (không rõ nhân thân, lai lịch) vào trong phòng khách của nhà N chơi đánh bài xì dách thắng thua bằng tiền mỗi ván từ 10.000 đồng đến 20.000 đồng, đánh được một

lúc thì nghỉ chơi. Sau đó, N nói mọi người ra phía sau nhà chơi đánh bài, N lấy một cái mền trải dưới sàn nhà và một bộ bài tây 52 lá để cho mọi người chơi. Cách thức đánh bài được thực hiện như sau: Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn Q và Nguyễn Thị T hùn tiền làm cái để Nguyễn Thị H, Võ Thị Đ, Lê Kiều T2, Võ Văn N4, Võ Thị H1, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị B và Võ Thị C đặt cược mỗi ván từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng. Quá trình đánh bạc Võ Văn N4 đưa cho Nguyễn Thị Út T1 1.000.000 đồng để hùn tiền đặt tụ của Lê Kiều T2 và nhóm làm cái thắng được số tiền 50.000.000 đồng, T1 đưa số tiền này cho T1 cất giữ. Khoảng 14 giờ cùng ngày, Công an huyện B, tỉnh Bình Dương phát hiện, bắt quả tang và thu giữ tang vật: 02 bộ bài tây đã qua sử dụng, 01 cái đĩa bằng sành, 01 cái chăn (mền) và số tiền 53.500.000 đồng (bao gồm: 3.500.000 đồng trên chiếu bạc và 50.000.000 đồng trong bịch nylon màu đen trên ván gỗ nhà của bị cáo N là tiền của nhóm hùn làm cái thắng được).

Quá trình điều tra xác định:

Nguyễn Văn N hùn 2.000.000 đồng để làm cái nhưng chưa bỏ tiền ra.

Nguyễn Văn K không đem theo tiền để đánh bạc, hùn 5.000.000 đồng để làm cái nhưng chưa bỏ tiền ra.

Nguyễn Văn T1 đem theo 19.500.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 2.000.000 đồng để làm cái và chưa bỏ tiền ra.

Nguyễn Văn Q sử dụng 2.100.000 đồng để đánh bạc, thua 100.000 đồng lúc chơi ở phòng khách, còn lại 2.000.000 đồng hùn làm cái nhưng chưa bỏ tiền ra.

Nguyễn Thị T đem theo 3.400.000 đồng, chỉ sử dụng 2.000.000 đồng để hùn làm cái nhưng chưa bỏ tiền ra và giữ 50.000.000 đồng tiền thắng cược khi hùn đánh bạc.

Nguyễn Thị H đem theo 68.300.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 27.000.000 đồng để đánh bạc và thua 25.000.000 đồng, bị Công an thu giữ 41.300.000 đồng; trong lúc Hồng bỏ chạy đã đem theo 2.000.000 đồng sử dụng để đánh bạc.

Lê Kiều T2 sử dụng 3.500.000 đồng để đánh bạc và thua hết số tiền này.

Võ Văn N4 đem theo 20.000.000 đồng để đánh bạc và thua 7.000.000 đồng, bị Công an thu giữ 13.000.000 đồng.

Bị cáo Võ Thị Út T1 đem theo 200.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 100.000 đồng để đánh bạc và bị thua hết lúc chơi ở phòng khách, còn lại 100.000 đồng cất giữ trong người không sử dụng để đánh bạc thì bị Công an thu giữ. T1 biết rõ số tiền 1.000.000 đồng mà N4 đưa cho T1 là tiền để đặt cược đánh bạc với tụ của T2 nhưng Thảo vẫn giúp sức cho N4.

Võ Thị H1 đem theo 20.000.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 10.000.000 đồng để đánh bạc và thắng 2.700.000 đồng, bị Công an bị thu giữ 22.700.000 đồng.

Võ Thị Đ đem theo 27.700.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 27.200.000 đồng để đánh bạc và thua hết số tiền này, bị Công an thu giữ 500.000 đồng.

Nguyễn Thị N1 đem theo số tiền 2.200.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 1.000.000 đồng hùn với C, B để đánh bạc và cho B, C mượn 1.000.000 đồng để đánh bạc; quá trình đánh bạc, N1 thắng 6.500.000 đồng và bị Công an thu giữ 8.700.000 đồng.

Võ Thị C đem theo 4.880.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 500.000 đồng hùn với N1, B để đánh bạc và chưa bỏ tiền ra, bị Công an thu giữ 4.880.000 đồng.

Nguyễn Thị B đem theo 700.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 500.000 đồng hùn với N1, Chung để đánh bạc và chưa bỏ tiền ra, bị Công an thu giữ 700.000 đồng đã bị thu giữ.

Tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là 102.700.000 đồng (một trăm lẻ hai triệu bảy trăm nghìn đồng).

Đối với hai người phụ nữ bán vé số chưa rõ nhân thân, lai lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2019/HS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị T (Tên gọi khác: Hà), Nguyễn Thị H, Võ Thị Đ, Võ Thị Út T1 (Tên gọi khác: Út), Võ Thị C và Nguyễn Thị B.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321, các điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Võ Thị H1.

Căn cứ các Điều 46, Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự:

1.1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị T (tên gọi khác: Hà), Nguyễn Thị H, Võ Thị Đ, Võ Thị H1, Võ Thị C, Nguyễn Thị B, Võ Thị Út T1 (tên gọi khác: U) phạm tội “Đánh bạc”.

1.2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/11/2019, được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2019 đến ngày 22/7/2019.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T (tên gọi khác: Hà) 03 (ba) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/11/2019, được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 07/4/2019 đến ngày 08/4/2019 và từ ngày 03/7/2019 đến ngày 22/7/2019.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 03 (ba) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/11/2019, được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2019 đến ngày 22/7/2019.

- Xử phạt bị cáo Võ Thị Đ 03 (ba) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/11/2019, được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2019 đến ngày 22/7/2019.

- Xử phạt bị cáo Võ Thị C 03 (ba) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/11/2019, được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2019 đến ngày 22/7/2019.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B 03 (ba) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/11/2019, được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2019 đến ngày 22/7/2019.

- Xử phạt bị cáo Võ Thị Út T1 (tên gọi khác: Út) 03 (ba) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/11/2019, được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 07/4/2019 đến ngày 08/4/2019.

- Xử phạt bị cáo Võ Thị H1 03 (ba) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/11/2019, được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2019 đến ngày 22/7/2019.

Bản án sơ thẩm còn tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn N 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù; bị cáo Lê Kiều T2 03 (ba) năm tù; các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Q, Võ Văn N4 và Nguyễn Thị N1 mỗi bị cáo 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Trong các ngày 25 và 27 tháng 11 năm 2019, các bị cáo Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị T, Võ Thị Út T1, Võ Thị Đ và Võ Thị C làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, các bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị B, Võ Thị H1 làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, tất cả các bị cáo đều kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án: xác định tội danh, điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và áp dụng đối với các bị cáo Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị H, Võ Thị Đ, Võ Thị C, Nguyễn Thị B, Võ Thị Út T1, Võ Thị H1 là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Sau khi xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Nhận thấy, tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là lớn (102.000.000

đồng); đa phần các bị cáo có trình độ học vấn thấp, có hoàn cảnh khó khăn, đã từng bị kết án về tội “Đánh bạc”. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo ở mức đầu của khung hình phạt là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Võ Thị H1 trình bày nội dung bào chữa: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Hương. Tuy N1, bị cáo Hương đang bị bệnh, có nơi cư trú rõ ràng, để thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm cho bị cáo H được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận.

Ông Nguyễn Giao D là người đại diện hợp pháp của bị cáo Võ Thị H1 không có ý kiến tranh luận.

Các bị cáo nói lời sau cùng: các bị cáo mong Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện chăm sóc gia đình và điều trị bệnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị H, Võ Thị Đ, Võ Thị C, Nguyễn Thị B, Võ Thị Út T1, Võ Thị H1 được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị H, Võ Thị Đ, Võ Thị C, Nguyễn Thị B, Võ Thị Út T1, Võ Thị H1 đã khai nhận hành vi phạm tội thống nhất như nội dung bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Do đó, có đủ cơ sở xác định: Ngày 07/4/2019, tại nhà của bị cáo Nguyễn Văn N thuộc ấp M, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương; các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thị T, Võ Thị H1, Võ Văn N4, Võ Thị Đ, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị N1, Võ Thị C, Nguyễn Thị H, Lê Kiều T2 và Võ Thị Út T1 đã thực hiện hành vi đánh bài xì dách thắng thu bằng tiền với tổng số tiền sử dụng đánh bạc là 102.700.000 đồng (một trăm lẻ hai triệu bảy trăm nghìn đồng).

Hành vi của các bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Hành vi đánh bạc của các bị cáo là N trọng và nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo (trừ bị cáo Võ Thị H1) là những người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào thắng thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

Đối với bị cáo Võ Thị H1 bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi nhưng bị cáo vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy: tất cả các bị cáo đều phạm tội N trọng, có nhân thân xấu, có tiền án và tiền sự; riêng bị cáo Nguyễn Văn K là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Q và Thảo tham gia đánh bạc; các bị cáo Nguyễn Thị H, Võ Thị Đ sử dụng số tiền đánh bạc lớn (27.000.000 đồng), nhiều hơn so với các bị cáo khác. Tại Tòa án cấp phúc thẩm chỉ có bị cáo Nguyễn Văn K cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ, bị cáo được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B tặng Giấy khen trong công tác được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các bị cáo còn lại không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo, xét thấy mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo là không nặng, mới ở mức khởi điểm của khung hình phạt nên kháng cáo của các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt là không có cơ sở chấp nhận.

Riêng đối với bị cáo C và B tham gia ké bôn, tuổi đã cao, số tiền sử dụng đánh bạc chỉ 500.000 đồng, các bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo C và B.

[5] Đối với kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy: bị cáo H đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc nhưng chưa được xóa việc xử lý vi phạm hành chính; các bị cáo C, B mặc dù đã được xóa việc xử lý vi phạm hành chính nhưng tính đến ngày phạm tội lần này chưa được 06 tháng lại tiếp tục phạm tội mới; bị cáo H1 có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 nhưng số tiền sử dụng để đánh bạc là lớn nên các bị cáo không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 2 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/6/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

Riêng đối với bị cáo Nguyễn Thị T tuy có nhân thân năm 2017 bị xử phạt vi phạm hành chính 25.000.000 đồng về hành vi “Sử dụng hoạt động tình dục khác làm phương thức kinh doanh”, chấp hành xong ngày 18/5/2017, đã được xóa tiền sự, tính đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội lần này đã quá 06 tháng; bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức (hùn vốn 2.000.000 đồng và giữ tiền), xét thấy thời gian tạm giam đã 07 tháng cũng đủ sức răn đe giáo dục đối với bị cáo và trường hợp của bị cáo đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Điều 2 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/6/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân

tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Do đó, bị cáo Thanh kháng cáo xin được hưởng án treo là có căn cứ chấp nhận.

Đối với bị cáo Võ Thị Út T1 có nhân thân năm 2014 bị Tòa án nhân dân thị xã T xử phạt 10.000.000 đồng về tội đánh bạc, bị cáo chấp hành xong ngày 25/8/2014, đã được xoá án tích, tính đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội lần này đã quá 03 năm, số tiền sử dụng đánh bạc không lớn (1.200.000 đồng), xét thấy thời gian tạm giam 07 tháng cũng đủ sức răn đe giáo dục đối với bị cáo và trường hợp của bị cáo đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Điều 2 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/6/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Do đó, bị cáo T kháng cáo xin được hưởng án treo là có căn cứ chấp nhận.

[6] Tại Tòa án cấp phúc thẩm bị cáo Nguyễn Thị H cung cấp thêm tình tiết có cha tên Nguyễn Đức U được tặng huy hiệu 60 năm tuổi Đảng và bị cáo Nguyễn Thị T cung cấp thêm tình tiết có cha chồng tên Lê Văn Vượng được tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhất nhưng đây không phải là tình tiết giảm trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm c mục 5 của Nghị quyết 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[7] Tòa án cấp sơ thẩm xác định tình tiết: bị cáo H2 đã nộp lại số tiền 2.000.000 đồng sử dụng để đánh bạc và bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để áp dụng cho bị cáo Hồng là không đúng với quy định tại điểm c mục 5 của Nghị quyết 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ này đối với bị cáo Hồng.

[8] Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo là chưa phù hợp.

[10] Người bào chữa cho bị cáo Võ Thị H1 đề nghị cho bị cáo Hương được hưởng án treo là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[11] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[12] Án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị T, Võ Thị Út T1, Võ Thị C và Nguyễn Thị B.

2. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị H, Võ Thị Đ, Võ Thị H1.

3. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2019/HS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương đối với các bị cáo Nguyễn Thị T, Võ Thị Út T1, Võ Thị C và Nguyễn Thị B.

3.1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 201.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/11/2019, được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2019 đến ngày 22/7/2019.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/11/2019, được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2019 đến ngày 22/7/2019.

- Xử phạt bị cáo Võ Thị Đ 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/11/2019, được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2019 đến ngày 22/7/2019.

3.2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321, các điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo Võ Thị H1 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/11/2019, được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2019 đến ngày 22/7/2019.

3.3. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Võ Thị C 06 (sáu) tháng 03 (ba) ngày tù về tội “Đánh bạc”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/4/2019 đến 22/7/2019 và từ ngày 04/11/2019 đến 22/01/2020 (đã chấp hành). Tuyên trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B 06 (sáu) tháng 03 (ba) ngày tù về tội “Đánh bạc”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/4/2019 đến 22/7/2019 và từ ngày 04/11/2019 đến 22/01/2020 (đã chấp hành). Tuyên trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3.4. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 58 và 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Võ Thị Út T1 (tên gọi khác: Út) 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày 05/6/2020.

Giao bị cáo Võ Thị Út T1 cho Ủy ban nhân dân phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Thảo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T (tên gọi khác: H) 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày 05/6/2020.

Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Thanh thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị H, Võ Thị Đ, Võ Thị H1 mỗi người phải nộp số tiền 200.000 ngàn đồng.

Các bị cáo Nguyễn Thị T, Võ Thị Út T1, Võ Thị C và Nguyễn Thị B không phải nộp.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- | | |
|----------------------------------|---|
| - VKSND tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - TAND huyện B; | 2 |
| - VKSND huyện B ; | 1 |
| - Chi cục THADS huyện B; | 1 |
| - Phòng PV06 Công an tỉnh BD; | 1 |
| - Công an huyện B; | 1 |
| - Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - Trại Tạm giam Công an tỉnh BD; | 1 |
| - Bị cáo; | 1 |
| - Tổ Hành chính Tư pháp; | 2 |
| - Lưu: HSVA, Tòa HS. | 2 |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Quân Vương

THẨM PHÁN THÀNH VIÊN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA

Lê Quân Vương